

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 08 – 2022.

Về việc: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:*

Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 285/2022/TLST – HNGĐ, ngày 15 tháng 06 năm 2022, về việc “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2022; theo quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hà Thị C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản M, xã P, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Hà Thị C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông Đặng Văn Q kết hôn năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, việc chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng có một số mâu thuẫn nhỏ, tuy nhiên từ năm 2013 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, ông Q đem con trai bỏ về sống với bố mẹ, không có liên lạc gì. Trong thời gian ly thân, cả hai chúng tôi cảm thấy không còn tình cảm, không thể níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, nguyện vọng của tôi xin được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Trung K, sinh ngày 30/04/2011. Nguyện vọng xin được giao con chung cho ông Đặng Văn Q trực tiếp chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 06 năm 2022, ông Đặng Văn Q trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi với bà Hà Thị C về sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi về sống với nhau cuộc sống vợ chồng bình thường, nhưng bà C bỏ đi Trung Quốc lấy chồng, bỏ bố con tôi tại Việt Nam. Năm 2013, tôi cùng con trai về sống lại với bố mẹ, nên vợ chồng ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Bà C làm đơn xin ly hôn, nguyện vọng của tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Trung K, sinh ngày 30/04/2011. Nguyện vọng của tôi xin được nuôi cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng không lý do, nên vụ án không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Văn Q vắng mặt không lý do. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Q, bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hà Thị C với ông Đặng Văn Q; Về con chung: Giao cháu Đặng Trung K, sinh ngày 30/04/2011 cho ông Đặng Văn Q Trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu kiên đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Q không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

Đồng thời, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết vụ án “Ly hôn, con chung” theo đơn khởi kiện của bà Hà Thị C là đúng thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị C với ông Đặng Văn Q là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/12/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân: Cuộc sống hôn nhân giữa các bên đã không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2013 cho đến nay, hiện nay ông Q, bà C cho rằng về tình cảm không còn dành cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng có nguyện vọng xin được ly hôn. Xét thấy, nguyện vọng xin được ly hôn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, bà C được ly hôn với ông Q.

[3] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Trung K, sinh ngày 30/04/2011. Hiện nay, cháu K đang ở với ông Q từ năm 2013 cho đến nay. Nguyện vọng của các bên là tiếp tục giao cho ông Đặng Văn

Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, cháu K được ông Q chăm sóc từ năm 2013 cho đến nay, tình trạng học tập, điều kiện chăm sóc vẫn bình thường, nguyện vọng của cháu K cũng xin được ở với ông K. Do đó, nguyện vọng về con chung giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu nên cần chấp nhận giao cháu Đặng Trung K, sinh ngày 30/04/2011 cho ông Đặng Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến khi tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Hà Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, theo biên lai thu số 60AA/2021/0006216, ngày 15 tháng 06 năm 2022

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị C.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hà Thị C được ly hôn với ông Đặng Văn Q.
2. *Về con chung*: Giao con chung cháu Đặng Trung K, sinh ngày 30/04/2011 cho ông Đặng Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Bà Hà Thị C có quyền đi lại thăm, chăm sóc con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hà Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, theo biên lai thu số 60AA/2021/0006216, ngày 15 tháng 06 năm 2022.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Trí Lý

